



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**

Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm,  
P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Tel : 0283 826 3621 Fax : 0283 826 3621

[www.vietranstimex.com.vn](http://www.vietranstimex.com.vn) [sales@vietranstimex.com.vn](mailto:sales@vietranstimex.com.vn)

Số: 275/2020/CV-VTX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**  
Mã chứng khoán **VTX**  
Trụ sở chính **Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.**  
Điện thoại **(028) 3826 3621**  
Fax: **(028) 3826 3622**  
Người công bố thông tin **Ông Bùi Quang Liên, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.**  
Điện thoại **(028) 3826 3621**  
Fax **(028) 3826 3622**  
Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ (Toàn công ty) của Công ty CP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://www.vietranstimex.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

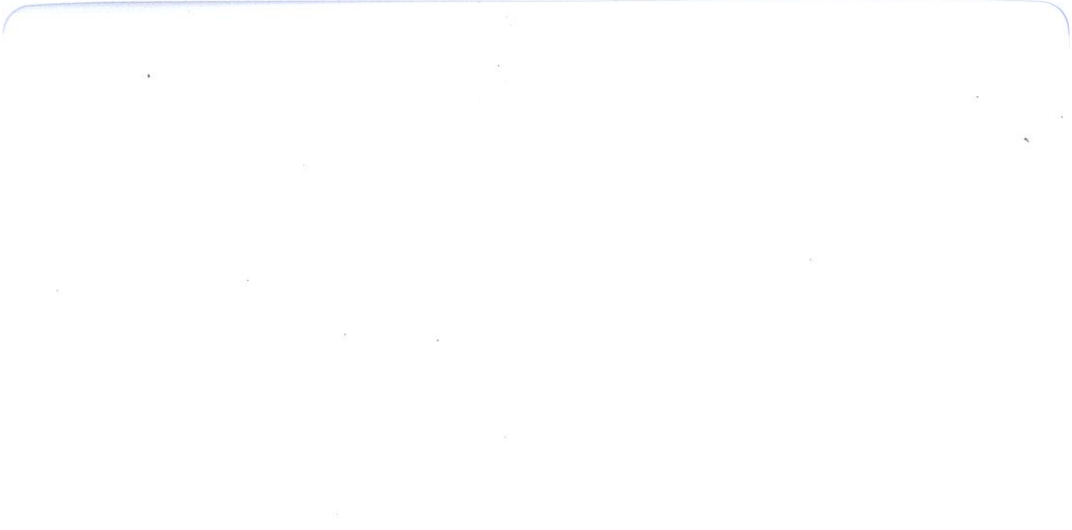
**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**

Người được ủy quyền công bố thông tin

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu thư ký;
- Website Công ty





# **Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Bảo Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Liên	từ ngày 7 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Phương	đến ngày 6 tháng 7 năm 2020

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61345701-22012343-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>183.398.901.996</b>	<b>178.393.392.246</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>7.426.620.488</b>	<b>12.782.672.575</b>
111	1. Tiền		7.426.620.488	12.782.672.575
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>112.209.255.098</b>	<b>148.321.638.733</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	100.776.145.410	128.355.012.743
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	5.115.850.599	11.554.073.155
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	28.945.802.252	28.479.484.104
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(22.628.543.163)	(20.066.931.269)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>31.644.288.404</b>	<b>16.736.137.359</b>
141	1. Hàng tồn kho		31.644.288.404	16.736.137.359
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.118.738.006</b>	<b>552.943.579</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	11.050.541.202	511.714.499
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	1.068.196.804	41.229.080
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>105.348.869.448</b>	<b>120.151.708.923</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>793.629.195</b>	<b>793.629.195</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		793.629.195	793.629.195
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>89.886.194.644</b>	<b>84.320.879.850</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	79.028.274.072	73.403.365.810
222	Nguyên giá		561.682.786.711	550.070.860.636
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(482.654.512.639)	(476.667.494.826)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.857.920.572	10.917.514.040
228	Nguyên giá		12.624.319.258	12.624.319.258
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.766.398.686)	(1.706.805.218)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>1.119.565.441</b>	<b>5.874.810.260</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.119.565.441	5.874.810.260
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>816.000.000</b>	<b>21.764.164.380</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.1	816.000.000	816.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	20.948.164.380
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.733.480.168</b>	<b>7.398.225.238</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	8.914.804.195	7.398.225.238
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	3.818.675.973	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>288.747.771.444</b>	<b>298.545.101.169</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>67.860.388.780</b>	<b>61.763.176.030</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>67.260.388.780</b>	<b>60.904.676.030</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	18.349.164.592	37.471.836.272
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	3.736.109.863	3.562.206.265
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	145.308.309	4.189.495.352
314	4. Phải trả người lao động		3.218.254.893	3.688.166.424
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.436.575.895	4.802.756.940
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		17.840.000	38.294.546
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.965.959.067	2.561.428.999
320	8. Vay ngắn hạn	20	36.185.654.374	3.768.909.778
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		205.521.787	821.581.454
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>600.000.000</b>	<b>858.500.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	-	258.500.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		600.000.000	600.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>220.887.382.664</b>	<b>236.781.925.139</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>220.887.382.664</b>	<b>236.781.925.139</b>
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.445.493.184)	6.449.049.291
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.227.535.708	2.018.777.630
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(15.673.028.892)	4.430.271.661
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>288.747.771.444</b>	<b>298.545.101.169</b>

Lê Quang Vương  
Người lập

Thái Thị Ban Mai  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	86.752.964.111	122.036.815.647
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(91.449.363.201)	(111.091.460.590)
20	3. (Lỗ) lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(4.696.399.090)	10.945.355.057
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.182.023.860	1.252.585.291
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(486.492.321) (405.699.462)	(281.774.836) (274.072.337)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(18.389.564.347)	(16.258.754.504)
30	7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.390.431.898)	(4.342.588.992)
31	8. Thu nhập khác	27	3.142.107.545	21.544.063
32	9. Chi phí khác	27	(243.380.512)	(75.921.052)
40	10. Lợi nhuận (lỗ) khác	27	2.898.727.033	(54.376.989)
50	11. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(19.491.704.865)	(4.396.965.981)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	3.818.675.973	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(15.673.028.892)	(4.396.965.981)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	30	(747)	(220)
71	16. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	30	(747)	(220)

Lê Quang Vương  
Người lập

Thái Thị Ban Mai  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(19.491.704.865)</b>	<b>(4.396.965.981)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	8.876.611.281	8.976.410.997
03	Các khoản dự phòng		2.561.611.894	1.835.187.181
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.037.987	(27.784.381)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(793.935.492)	(1.089.967.828)
06	Chi phí lãi vay	24	405.699.462	274.072.337
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(8.437.679.733)</b>	<b>5.570.952.325</b>
09	Giảm các khoản phải thu		32.370.108.739	33.081.281.397
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(14.908.151.045)	3.209.730.680
11	Giảm các khoản phải trả		(24.631.905.688)	(26.679.018.909)
12	Tăng chi phí trả trước		(12.055.405.660)	(659.136.191)
14	Tiền lãi vay đã trả		(405.699.462)	(274.072.337)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.068.689.541)	(2.119.521.615)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(837.573.250)	(579.566.588)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(29.974.995.641)</b>	<b>11.550.648.762</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(9.686.681.256)	(5.092.807.566)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		787.272.728	-
24	Tiền thu hồi trái phiếu đáo hạn		-	15.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay và trái phiếu		1.101.566.870	1.575.889.809
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(7.797.841.658)</b>	<b>11.483.082.243</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		41.960.545.640	30.028.208.013
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.543.801.044)	(42.359.292.629)
36	Cổ tức đã trả		-	(824.600)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>32.416.744.596</b>	<b>(12.331.909.216)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(5.356.092.703)</b>	<b>10.701.821.789</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>12.782.672.575</b>	<b>42.021.844.263</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		40.616	(21.564.726)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>7.426.620.488</b>	<b>52.702.101.326</b>

Lê Quang Vương  
Người lập

Thái Thị Ban Mai  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 237 (31 tháng 12 năm 2019: 254).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.   |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang       | - | chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.13 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu**

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Hội đồng Quản trị quyết định chi trả, sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### 3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.16 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, Công ty không phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	1.027.366.303	343.541.000
Tiền gửi ngân hàng	6.399.254.185	12.439.131.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.426.620.488</u></b>	<b><u>12.782.672.575</u></b>

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị của hai mươi (20) trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco & More, có kỳ hạn gốc ba (3) năm, hiện hưởng lãi suất 10,4%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu khách hàng	98.563.709.410	116.099.661.743
<i>Cosco Logistics Kunming Co., Ltd</i>	18.285.164.327	27.451.026.309
<i>Công ty Cổ Phần Beton 6</i>	8.195.337.277	8.195.337.277
<i>Cosco Logistics HongKong Co., Ltd</i>	6.783.954.470	6.783.954.470
<i>Chi nhánh Miền Trung Công ty Cổ phần</i>		
<i>Tập đoàn ĐTXDPT Đông Đô</i>	6.000.000.000	6.759.000.000
<i>Công ty Cổ phần IBS EC</i>	5.040.189.119	5.040.189.119
<i>Khác</i>	54.259.064.217	61.870.154.568
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	2.212.436.000	12.255.351.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.776.145.410</u></b>	<b><u>128.355.012.743</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(21.198.297.103)	(18.636.685.209)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>79.577.848.307</u></b>	<b><u>109.718.327.534</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Đầu tư và tiếp vận Tín Nghĩa	3.000.000.000	-
EPC Global Shipping Company Limited	607.306.536	607.306.536
P and J Corporation Limited	-	3.003.290.550
Shanghai Supro Heavy Machinery and Equipment Co., Ltd	-	2.320.677.000
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải	-	2.275.476.451
Khác	1.508.544.063	3.347.322.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.115.850.599</u></b>	<b><u>11.554.073.155</u></b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.945.802.252</b>	<b>28.479.484.104</b>
Tạm ứng nhân viên	19.459.432.916	19.821.395.788
Chi hộ khách hàng	9.294.390.192	8.324.387.668
Ký quỹ, ký cược	144.400.000	121.667.850
Lãi dự thu	-	146.739.726
Khác	47.579.144	65.293.072
<b>Dài hạn</b>	<b>793.629.195</b>	<b>793.629.195</b>
Ký quỹ, ký cược	793.629.195	793.629.195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.739.431.447</u></b>	<b><u>29.273.113.299</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.430.246.060)	(1.430.246.060)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>28.309.185.387</u></b>	<b><u>27.842.867.239</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>9.608.800.000</i>	<i>10.490.000.000</i>
<i>Bên khác</i>	<i>18.700.385.387</i>	<i>17.352.867.239</i>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.118.842.210	6.161.769.992
Nhiên liệu, vật liệu	10.335.282.194	10.514.767.367
Công cụ, dụng cụ	130.564.000	-
Khác	59.600.000	59.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.644.288.404</u></b>	<b><u>16.736.137.359</u></b>

## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	30.828.936.494	35.743.030.851	482.055.426.059	1.443.467.232	550.070.860.636
Mua mới	-	-	8.506.704.892	215.636.364	8.722.341.256
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	5.719.584.819	-	5.719.584.819
Thanh lý	-	-	(2.830.000.000)	-	(2.830.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	30.828.936.494	35.743.030.851	493.451.715.770	1.659.103.596	561.682.786.711
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	415.941.455	31.869.260.417	389.161.770.935	1.219.499.960	422.666.472.767
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(19.455.449.942)	(32.439.158.086)	(423.598.444.438)	(1.174.442.360)	(476.667.494.826)
Khấu hao trong kỳ	(1.069.629.962)	(270.744.370)	(7.417.406.386)	(59.237.095)	(8.817.017.813)
Thanh lý	-	-	2.830.000.000	-	2.830.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	(20.525.079.904)	(32.709.902.456)	(428.185.850.824)	(1.233.679.455)	(482.654.512.639)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	11.373.486.552	3.303.872.765	58.456.981.621	269.024.872	73.403.365.810
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	10.303.856.590	3.033.128.395	65.265.864.946	425.424.141	79.028.274.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	10.678.204.185	1.946.115.073	12.624.319.258
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.396.847.073	1.396.847.073
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	(1.706.805.218)	(1.706.805.218)
Hao mòn trong kỳ	-	(59.593.468)	(59.593.468)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	(1.766.398.686)	(1.766.398.686)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	10.678.204.185	239.309.855	10.917.514.040
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	10.678.204.185	179.716.387	10.857.920.572

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 7.552.136.460 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 19*.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt.

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**13.1 Đầu tư vào công ty liên doanh**

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	VND			
		Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex (i)	Vận tải	51	816.000.000	51	816.000.000

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.050.541.202</b>	<b>511.714.499</b>
Bảo hiểm	8.949.961.735	1.909.093
Công cụ, dụng cụ	840.245.934	47.750.841
Phí sử dụng đường bộ	269.214.921	119.511.538
Khác	991.118.612	344.452.120
<b>Dài hạn</b>	<b>8.914.804.195</b>	<b>7.398.225.238</b>
Công cụ, dụng cụ	3.000.603.289	3.127.893.426
Chi phí thuê đất	2.394.120.835	2.428.818.241
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa tài sản	503.723.818	853.103.037
Khác	3.016.356.253	988.410.534
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.965.345.397</u></b>	<b><u>7.909.939.737</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả nhà cung cấp	17.430.317.065	36.721.518.772
<i>Công ty Cổ phần Đông Hải 27-7</i>	7.376.509.621	7.886.103.372
<i>Công ty TNHH Việt Phương</i>	1.115.940.920	2.921.094.860
<i>Công ty Cổ phần Cảng Phú Mỹ</i>	936.550.312	-
<i>Công ty Cổ phần Hàng hải và Dịch vụ Kỹ thuật TJS</i>	646.400.000	896.400.000
<i>Công ty TNHH Tuấn Châu</i>	29.780.000	4.078.247.625
<i>Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt</i>	-	1.761.849.725
Khác	7.325.136.212	19.177.823.190
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	918.847.527	750.317.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.349.164.592</u></b>	<b><u>37.471.836.272</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ứng trước từ khách hàng	3.736.109.863	1.425.206.265
<i>Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây dựng AMECC</i>	1.973.160.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất</i>	920.502.500	920.502.500
Khác	842.447.363	504.703.765
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	2.137.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.736.109.863</u></b>	<b><u>3.562.206.265</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế giá trị gia tăng	2.986.817.179	(8.662.663.912)	4.748.680.350	(927.166.383)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.068.689.541	-	(1.068.689.541)	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.759.552	520.394.840	(593.672.192)	19.482.200
Khác	-	828.393.231	(843.597.543)	(15.204.312)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.148.266.272</u></b>	<b><u>(7.313.875.841)</u></b>	<b><u>2.242.721.074</u></b>	<b><u>(922.888.495)</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	41.229.080	9.080.787.189	(8.053.819.465)	1.068.196.804
<i>Phải trả</i>	4.189.495.352	1.766.911.348	(5.811.098.391)	145.308.309

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí thầu phụ	2.406.734.505	4.724.915.750
Khác	29.841.390	77.841.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.436.575.895</u></b>	<b><u>4.802.756.940</u></b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.965.959.067</b>	<b>2.561.428.999</b>
Cổ tức phải trả	573.468.776	573.468.776
Kinh phí công đoàn	891.586.829	614.034.387
Khác	1.500.903.462	1.373.925.836
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>258.500.000</b>
Khác	-	258.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.965.959.067</u></b>	<b><u>2.819.928.999</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	816.000.000	816.000.000
<i>Phải trả bên khác</i>	2.149.959.067	2.003.928.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Vay ngân hàng	<u>36.185.654.374</u>	<u>3.768.909.778</u>

Đây là khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6.5%/năm. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và trả lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>36.185.654.374</u>	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Quyền sử dụng đất

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	10.712.216.657	241.045.092.505
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(4.396.965.981)	(4.396.965.981)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(304.510.627)	(304.510.627)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	6.010.740.049	236.343.615.897
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	6.449.049.291	236.781.925.139
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(15.673.028.892)	(15.673.028.892)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(221.513.583)	(221.513.583)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	(9.445.493.184)	220.887.382.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20.972.321	20.972.321

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và cho thuê	86.632.208.710	121.904.837.835
Doanh thu bán hàng	120.755.401	131.977.812
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.752.964.111</b>	<b>122.036.815.647</b>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lãi tiền gửi, trái phiếu	977.402.494	1.089.967.828
Lãi chênh lệch tỷ giá	204.621.366	162.617.463
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.182.023.860</b>	<b>1.252.585.291</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
Giá vốn của dịch vụ vận tải và dịch vụ cho thuê	91.328.607.800	110.958.888.452
Giá vốn hàng bán	120.755.401	132.572.138
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>91.449.363.201</u></b>	<b><u>111.091.460.590</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
Lãi tiền vay	405.699.462	274.072.337
Lỗ chênh lệch tỷ giá	80.792.859	7.702.499
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>486.492.321</u></b>	<b><u>281.774.836</u></b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
Chi phí nhân viên	10.228.573.895	10.813.836.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.594.836.122	299.633.974
Dự phòng phải thu khó đòi	2.561.611.894	1.835.187.181
Chi phí khấu hao và hao mòn	706.300.374	2.158.922.334
Khác	1.298.242.062	1.151.174.774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.389.564.347</u></b>	<b><u>16.258.754.504</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	71.861.935.208	80.111.079.133
Chi phí nhân viên	22.304.567.494	27.237.557.477
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	8.876.611.281	8.976.410.997
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	3.060.244.213	6.661.889.898
Chi phí khác	3.735.569.352	4.363.277.589
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>109.838.927.548</u></b>	<b><u>127.350.215.094</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.142.107.545</b>	<b>21.544.063</b>
Tiền bồi thường thu được	2.268.621.564	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	787.272.728	-
Thu nhập khác	86.213.253	21.544.063
<b>Chi phí khác</b>	<b>(243.380.512)</b>	<b>(75.921.052)</b>
Chi phí nộp phạt	(174.956.009)	(37.780.338)
Chi phí khác	(68.424.503)	(38.140.714)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b>2.898.727.033</b>	<b>(54.376.989)</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.818.675.973	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.818.675.973</b>	<b>-</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(19.491.704.865)</b>	<b>(4.396.965.981)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	(3.898.340.973)	(879.393.196)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	79.665.001	44.367.620
Lỗ thuế không ghi nhận thuế hoãn lại	-	835.025.576
<b>Thu nhập thuế TNDN</b>	<b>(3.818.675.973)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Lỗ thuế**

Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	3.818.675.973	-	3.818.675.973	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>3.818.675.973</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh giữa niên độ</b>			<b>3.818.675.973</b>	<b>-</b>

**28.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 19.093.379.865 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2020		Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND
			Không được chuyển lỗ	Chuyển lỗ		
2020	2025	19.093.379.865	-	-	19.093.379.865	

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế tạm tính của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê dịch vụ vận chuyển	5.130.605.642	2.462.166.014
		Cho thuê phương tiện	331.818.182	589.090.910
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	90.110.455	1.715.600.000
		Bán dầu	76.310.455	-
		Cho thuê văn phòng	33.838.977	31.275.292
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.708.900.000	2.333.090.909
Công ty cổ phần chứng khoán IB	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thanh toán lãi trái phiếu phát hành	948.164.380	-
		Lãi từ đầu tư trái phiếu	970.739.730	204.531.251
		Trái phiếu đáo hạn	-	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho thuê phương tiện	142.350.000	300.000.000
		Bảo trì nhà kho	34.250.000	-
		Cho thuê văn phòng	15.120.000	17.640.000
		Phí thuê dịch vụ	1.280.218	148.381.500
		Thuê văn phòng	-	207.951.642
		Thuê kho	-	74.311.290
Kiểm định	-	3.554.545		
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics tại Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho thuê văn phòng	53.303.343	24.402.144
		Thuê dịch vụ vận chuyển	-	48.511.039



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND		
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.671.500.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	540.936.000	2.165.351.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	10.090.000.000
			<b>2.212.436.000</b>	<b>12.255.351.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Giám đốc Chi nhánh	Tạm ứng	6.608.800.000	6.810.000.000
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT trước đây	Tạm ứng	2.000.000.000	2.680.000.000
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.000.000.000	1.000.000.000
			<b>9.608.800.000</b>	<b>10.490.000.000</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	Công ty trong cùng Tập đoàn	Trái phiếu	20.000.000.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê dịch vụ vận chuyển	915.767.727	736.457.500
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê kho	3.079.800	13.860.000
			<b>918.847.527</b>	<b>750.317.500</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	2.137.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Khác	816.000.000	816.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	710.760.727	664.206.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	<u>168.000.000</u>	<u>139.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>878.760.727</u></b>	<b><u>803.206.000</u></b>

**30. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lỗ thuần sau thuế TNDN	(15.673.028.892)	(4.396.965.981)
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	<u>-</u>	<u>(221.513.583)</u>
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	(15.673.028.892)	(4.618.479.564)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	20.972.321	20.972.321
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(747)	(220)
Lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(747)	(220)

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lỗ trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với báo cáo tài chính trước đây trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lỗ trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đến 1 năm	1.227.082.892	2.098.533.008
Từ 2 đến 5 năm	2.270.164.520	2.270.164.520
Trên 5 năm	8.938.772.798	9.222.543.363
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.436.020.210</u></b>	<b><u>13.591.240.891</u></b>

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Lê Quang Vương  
Người lập



Thái Thị Ban Mai  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

**About EY**

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit [ey.com](http://ey.com).

© 2019 Ernst & Young Vietnam Limited  
All Rights Reserved.

**[ey.com](http://ey.com)**